

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐỒNG NAI

Số: 1727/QĐ-XPHC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đồng Nai, ngày 27 tháng 5 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH  
Xử phạt vi phạm hành chính

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Điều 57, Điều 68, Điều 70, Điều 78, Điều 85 Luật Xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi, bổ sung năm 2020);

Căn cứ Luật Đất đai ngày 01 tháng 02 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Nghị định số 68/2025/NĐ-CP ngày 18 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Nghị định số 123/2024/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai số 61/BB-VPHC do Thanh tra Sở Nông nghiệp và Môi trường lập ngày 19 tháng 5 năm 2025 đối với Hợp tác xã An Phát;

Căn cứ Quyết định số 442/QĐ-UBND ngày 13 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao quyền xử phạt vi phạm hành chính;

Theo đề nghị của Chánh Thanh tra Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Văn bản số 193/TT ngày 20 tháng 5 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.

1. Xử phạt vi phạm hành chính đối với tổ chức có tên sau đây:

Hợp tác xã An Phát

Địa chỉ trụ sở chính: Số 799, khu phố Thiên Bình, phường Tam Phước, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Mã số doanh nghiệp: 3601453458.



Số Giấy chứng nhận đăng ký Hợp tác xã: 3601453458; ngày cấp 21 tháng 01 năm 2009 (*đăng ký lần đầu*), đăng ký thay đổi lần thứ 21 ngày 07 tháng 3 năm 2025; nơi cấp: Phòng Tài chính - Kế hoạch, thành phố Biên Hòa.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Việt Sơn; Giới tính: Nam.

Chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

## 2. Đã thực hiện hành vi vi phạm hành chính

a) Hành vi 1: Sử dụng đất trồng lúa sang loại đất khác mà không được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép trong trường hợp chuyển đất trồng lúa sang đất phi nông nghiệp (không phải là đất ở) thuộc địa giới hành chính của phường đối với diện tích đất từ 0,5 héc ta đến dưới 01 héc ta, cụ thể: Hợp tác xã An Phát chuyển diện tích 0,65659 héc ta ( $6.565,90 \text{ m}^2$ ) đất trồng lúa sang đất phi nông nghiệp (đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản) (*đính kèm Phụ lục 01*).

b) Hành vi 2: Sử dụng đất nông nghiệp không phải là đất trồng lúa, không phải là đất lâm nghiệp sang đất phi nông nghiệp mà không được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép trong trường hợp chuyển đất nông nghiệp không phải là đất trồng lúa, không phải là đất lâm nghiệp sang đất phi nông nghiệp (không phải đất ở) thuộc địa giới hành chính của phường đối với diện tích đất từ 02 héc ta trở lên, cụ thể: Hợp tác xã An Phát chuyển diện tích 5,95192 héc ta ( $59.519,20 \text{ m}^2$ ) đất nông nghiệp không phải là đất trồng lúa, không phải là đất lâm nghiệp (đất bằng hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm, đất nuôi trồng thủy sản) sang đất phi nông nghiệp (đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản) (*đính kèm Phụ lục 02*).

c) Hành vi 3: Chiếm đất do cơ quan, tổ chức của Nhà nước đã quản lý, được thể hiện trong hồ sơ địa chính thuộc địa giới hành chính của phường đối với diện tích từ 0,1 ha đến dưới 0,5 ha, cụ thể: Hợp tác xã An Phát chiếm diện tích 0,34562 héc ta ( $3.456,20 \text{ m}^2$ ) do UBND phường Tam Phước quản lý để sử dụng vào mục đích đất phi nông nghiệp (đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản) (*đính kèm Phụ lục 03*).

## 3. Quy định tại:

a) Hành vi 1: điểm d khoản 2, khoản 4 Điều 8 Nghị định số 123/2024/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

b) Hành vi 2: điểm e khoản 1, khoản 3 Điều 10 Nghị định số 123/2024/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

c) Hành vi 3: điểm d khoản 1, khoản 6 Điều 13 Nghị định số 123/2024/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

## 4. Các tình tiết tăng nặng: Không.



5. Các tình tiết giảm nhẹ: Hợp tác xã An Phát đã thành thật hối lỗi theo quy định tại khoản 2 Điều 9 của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 đối với 03 hành vi.

6. Bị áp dụng hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả như sau:

a) Hình thức xử phạt chính: phạt tiền

Tổng mức phạt: **670.000.000 đồng** (sáu trăm bảy mươi triệu đồng), cụ thể: Hành vi 1: 110.000.000 đồng (một trăm mười triệu đồng); Hành vi 2: 450.000.000 đồng (bốn trăm năm mươi triệu đồng); Hành vi 3: 110.000.000 đồng (một trăm mười triệu đồng).

b) Hình thức xử phạt bổ sung: Không.

c) Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc Hợp tác xã An Phát phải thực hiện các biện pháp khắc phục hậu quả sau:

- Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm đối với hành vi 1, 2, 3 với số tiền là **8.880.965.258 đồng** (Tám tỷ, tám trăm tám mươi triệu, chín trăm sáu mươi lăm ngàn, hai trăm năm mươi tám đồng).

- Không áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả “buộc khôi phục tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm” theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 8, điểm a khoản 4 Điều 10 và điểm a khoản 8 Điều 13 Nghị định số 123/2024/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ.

Lý do:

(1) Mỏ Tân Cang 9 nằm trong cụm 10 mỏ đá Tân Cang đang chịu trách nhiệm cung cấp vật liệu xây dựng phục vụ thi công các dự án trọng điểm quốc gia phía Nam và của tỉnh Đồng Nai;

(2) Việc buộc đối tượng vi phạm thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm theo quyết định xử phạt đối với phần diện tích đất vi phạm thuộc phạm vi đã được cấp giấy phép khai thác khoáng sản, đã hoàn thành các nghĩa vụ tài chính đối với nhà nước theo quy định trong điều kiện hiện nay là không khả thi, không cần thiết vì hiện nay trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đang triển khai nhiều dự án lớn, trong đó có các dự án trọng điểm quốc gia, nhu cầu vật liệu cho các dự án này rất lớn nhưng nguồn cung cấp chưa đáp ứng nhu cầu; chủ đầu tư mỏ cũng gặp nhiều khó khăn trong việc tìm nguồn khoáng sản phù hợp để thực hiện biện pháp khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất; đồng thời, nếu sau khi hoàn thành việc thực hiện khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất mà chủ đầu tư hoàn thành xong thủ tục về đất đai lại tiến hành khai thác lại thì sẽ gây lãng phí về tài sản.

(3) Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai có Văn bản số 3948/UBND-KTN ngày 10 tháng 4 năm 2025 gửi Bộ Nông nghiệp và Môi trường xin ý kiến nếu áp



dụng xử lý hành vi vi phạm hành chính theo Điều 10 Nghị định số 123/2024/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2024 đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường chấp thuận cho các doanh nghiệp đang hoàn thiện thủ tục thuê đất không phải thực hiện khôi phục lại hiện trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm để tiếp tục thuê đất khai thác mỏ do thực tế khó có thể thực hiện, không bảo đảm tính khả thi.

(4) Bộ Nông nghiệp và Môi trường có Tờ trình số 20/TTr-BNNMT ngày 03 tháng 4 năm 2025 trình Chính phủ chấp thuận “Đối với các mỏ đá làm vật liệu xây dựng thông thường tại tỉnh Đồng Nai đã hoàn thành thỏa thuận bồi thường giải phóng mặt bằng với các hộ dân có đất nhưng chưa hoàn thành thủ tục thuê đất đai để sử dụng vào mục đích khai thác khoáng sản được tiếp tục hoạt động để cung cấp vật liệu xây dựng phục vụ các Dự án quan trọng quốc gia, trọng điểm ngành Giao thông vận tải”.

Thời hạn thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả là 90 ngày, kể từ ngày nhận được Quyết định này.

Hợp tác xã An Phát phải nộp số lợi bất hợp pháp nêu trên theo thông tin nộp ngân sách nhà nước tại điểm a khoản 1 Điều 3 Quyết định này.

Mọi chi phí tổ chức thi hành biện pháp khắc phục hậu quả do Hợp tác xã An Phát chi trả.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

**Điều 3.** Quyết định này được:

1. Giao cho ông Nguyễn Việt Sơn là người đại diện theo pháp luật của tổ chức bị xử phạt có tên tại Điều 1 Quyết định này để chấp hành.

Tổ chức có tên tại Điều 1 phải nghiêm chỉnh chấp hành quyết định xử phạt này. Nếu quá thời hạn mà Hợp tác xã An Phát không chấp hành thì sẽ bị cưỡng chế thi hành theo quy định của pháp luật và cứ mỗi ngày chậm nộp tiền phạt thì cá nhân, tổ chức vi phạm phải nộp thêm 0,05% tính trên tổng số tiền phạt chưa nộp.

a) Tổ chức bị xử phạt có tên tại Điều 1 phải nộp tiền phạt tại Phòng giao dịch số 13 thuộc Kho bạc Nhà nước Khu vực XV hoặc nộp tiền phạt vào các ngân hàng thương mại nơi Kho bạc Nhà nước Khu vực XV mở tài khoản theo thông tin nộp ngân sách nhà nước như sau: Tài khoản thu NSNN số 7111.2.1046159; Mã cơ quan ra quyết định xử phạt: H19; chương 405, tiểu mục 4261, trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được Quyết định này (*Gửi chứng từ nộp phạt về Thanh tra Sở Nông nghiệp và Môi trường để theo dõi*).

b) Hợp tác xã An Phát có quyền khiếu nại, khởi kiện hành chính đối với Quyết định này theo quy định của pháp luật.

2. Gửi Kho bạc Nhà nước khu vực XV để thu tiền phạt.

3. Gửi cho Sở Nông nghiệp và Môi trường để chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức thi hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Hợp tác xã An Phát và theo dõi việc chấp hành của Hợp tác xã An Phát. Trường hợp Hợp tác xã An Phát không tự nguyện chấp hành Quyết định xử phạt hành chính, Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp các đơn vị liên quan lập thủ tục liên quan đến việc cưỡng chế thi hành Quyết định xử phạt hành chính đối với Hợp tác xã An Phát theo đúng quy định pháp luật về xử lý vi phạm hành chính hiện hành.

4. Gửi cho Sở Tài chính để biết và phối hợp thực hiện./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Chánh, Phó Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTNS, KTN.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Thị Hoàng**

Quyết định đã giao trực tiếp cho người đại diện của Hợp tác xã An Phát vào hồi.... giờ .... phút, ngày ...../...../.....

**NGƯỜI NHẬN QUYẾT ĐỊNH**  
(Ký, ghi rõ họ và tên)





Phụ lục 01

**SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA SANG ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP (KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT Ồ) KHÁC MÀ KHÔNG ĐƯỢC CƠ QUAN NHÀ NƯỚC CÓ THẨM QUYỀN CHO PHÉP**

(Kèm theo Quyết định số **1727/QĐ-XPHC** ngày **15/2025** của UBND tỉnh Đồng Nai)

STT	Phường	Tờ bản đồ	Số thửa	Loại đất theo BDDC	Diện tích vi phạm (m2)	Thời điểm bắt đầu sử dụng đất	Hiện trạng đất đai trước thời điểm sử dụng (địa hình, địa vật, công trình trên đất)	Tình pháp lý về đất đai	Ghi chú
1	Tam Phước	19	74B	LUK	111.0	10/5/2017	Trồng tràm	Hợp tác xã An Phát mua của Bà Mai Thị Xuân (chưa cấp giấy) - mua bằng giấy viết tay	
2	Tam Phước	19	115	LUK	396.0	10/5/2017	Trồng tràm	Hợp tác xã An Phát mua của ông Chu Thế Bình (chưa cấp giấy) - mua bằng giấy viết tay	
3	Tam Phước	19	103	LUK	440.0	10/5/2017	Trồng tràm	Hợp tác xã An Phát mua của ông Chu Thế Bình (chưa cấp giấy) - mua bằng giấy viết tay	
4	Tam Phước	19	116	LUK	557.0	10/5/2017	Trồng tràm	Hợp tác xã An Phát mua của ông Chu Thế Bình (chưa cấp giấy) - mua bằng giấy viết tay	
5	Tam Phước	19	141	LUK	116.0	25/3/2019	Trồng tràm	Hợp tác xã An Phát mua của ông Đỗ Viết Tuệ (chưa cấp giấy) - mua bằng giấy viết tay	
6	Tam Phước	19	143	LUK	1.540.0	21/5/2018	Trồng tràm	Hợp tác xã An Phát mua của Bà Mai Thị Xuân (chưa cấp giấy) - mua bằng giấy viết tay	



**SỬ DỤNG ĐẤT NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT TRỒNG LÚA, KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT LÂM NGHIỆP SANG ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP  
(KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT Ồ) KHÁC MÀ KHÔNG ĐƯỢC CƠ QUAN NHÀ NƯỚC CÓ THẨM QUYỀN CHO PHÉP**

(Kèm theo Quyết định số 1727/QĐ-XP/HC ngày 27/5/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai)

**Phụ lục 02**

STT	Phường	Tờ bản đồ	Số thửa	Loại đất theo BDDC	Diện tích vi phạm (m <sup>2</sup> )	Thời điểm bắt đầu sử dụng đất	Hiện trạng đất đai trước thời điểm sử dụng (địa hình, địa vật, công trình trên đất)	Tình pháp lý về đất đai	Ghi chú
1	Tam Phước	19	186	BHK	70.0	10/5/2017	Trồng tràm	GCN số BD085552 ngày 23/11/2010 - Hợp tác xã An Phát	
2	Tam Phước	19	99	BHK	66.1	10/5/2017	Trồng tràm	Hợp tác xã An Phát mua của ông Nguyễn Văn Quý (chưa cấp giấy) - mua bằng giấy viết tay	
3	Tam Phước	19	131	CLN	275.0	10/5/2017	Trồng tràm	Hợp tác xã An Phát mua của ông Chu Trùng Toàn (chưa cấp giấy) - mua bằng giấy viết tay	
4	Tam Phước	19	55	NTS	296.0	10/5/2017	Ao (xung quanh trồng tràm)	Hợp tác xã An Phát mua của Công ty CP Đầu tư khai thác khoáng sản VLXD - UDICO (hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất) - GCN số V802416 ngày 24/7/2003 cấp cho bà Nguyễn Thị Kim Loan	
5	Tam Phước	19	102	BHK	307.0	10/5/2017	Trồng tre	Hợp tác xã An Phát mua của ông Nguyễn Văn Quý (chưa cấp giấy) - mua bằng giấy viết tay	
6	Tam Phước	19	53	BHK	401.0	1/5/2018	Trồng tràm	Hợp tác xã An Phát mua của ông Nguyễn Duy Vinh (chưa cấp giấy) - mua bằng giấy viết tay	



STT	Phường	Tờ bản đồ	Số thửa	Loại đất theo BĐĐC	Diện tích vì phạm (m2)	Thời điểm bắt đầu sử dụng đất	Hiện trạng đất đai trước thời điểm sử dụng (địa hình, địa vật, công trình trên đất)	Tính pháp lý về đất đai	Ghi chú
7	Tam Phước	19	151	CLN	630.0	10/5/2017	Trồng trà	Hợp tác xã An Phát mua của ông Chu Thế Bình (chưa cấp giấy) - mua bằng giấy viết tay	
8	Tam Phước	19	101	BHK	117.0	10/5/2017	Trồng trà	Hợp tác xã An Phát mua của ông Nguyễn Văn Quý (chưa cấp giấy) - mua bằng giấy viết tay	
9	Tam Phước	19	117	BHK	249.3	10/5/2017	Trồng trà	Hợp tác xã An Phát mua của ông Nguyễn Văn Quý (chưa cấp giấy) - mua bằng giấy viết tay	
10	Tam Phước	19	47a	CLN	4.909.0	1/5/2020	Trồng trà	Hợp tác xã An Phát mua của ông Lê Duyên (chưa cấp giấy) - mua bằng giấy viết tay	
11	Tam Phước	19	48b	BHK	9.156.0	1/5/2020	Trồng trà		
12	Tam Phước	19	135	CLN	1.433.2	25/03/2019	Trồng trà	Hợp tác xã An Phát mua của ông Chu Trọng Toàn (chưa cấp giấy) - mua bằng giấy viết tay	
13	Tam Phước	19	104	CLN	3.178.7	10/5/2017	Trồng trà	Hợp tác xã An Phát mua của ông Chu Trọng Tụ (chưa cấp giấy) - mua bằng giấy viết tay	
14	Tam Phước	19	26a	CLN	4.673.0	1/5/2020	Trồng trà	Hợp tác xã An Phát mua của Bà Đoàn Thị Hữu Duyên (chưa cấp giấy) - mua bằng giấy viết tay	
15	Tam Phước	19	47b	CLN	1.693.0	1/5/2020	Trồng trà	Hợp tác xã An Phát mua của ông Lê Duyên (chưa cấp giấy) - mua bằng giấy viết tay	

STT	Phường	Tờ bản đồ	Số thửa	Loại đất theo BDDC	Diện tích vì phạm (m2)	Thời điểm bắt đầu sử dụng đất	Hiện trạng đất đai trước thời điểm sử dụng (địa hình, địa vật, công trình trên đất)	Tính pháp lý về đất đai	Ghi chú
16	Tam Phước	19	130	CLN	393.3	10/5/2017	Trồng tràm	Hợp tác xã An Phát mua của ông Chu Tròng Toàn (chưa cấp giấy) - mua bằng giấy viết tay	
17	Tam Phước	19	48a	BHK	2.012.0	1/5/2020	Trồng tràm	Hợp tác xã An Phát mua của bà Đặng Thủy Hi (GCN số: O 843909 cấp ngày 07/11/2001) - mua bằng giấy viết tay	
18	Tam Phước	19	105a	CLN	6.754.9	10/5/2017	Trồng tràm	Hợp tác xã An Phát mua của ông Chu Tròng Tụ (chưa cấp giấy) - mua bằng giấy viết tay	
	Tam Phước	19	105a	CLN	5.479.6	1/6/2018	Trồng tràm	Hợp tác xã An Phát mua của ông Chu Tròng Tụ (chưa cấp giấy) - mua bằng giấy viết tay	
19	Tam Phước	19	137	CLN	16.0	25/3/2019	Trồng tràm	Hợp tác xã An Phát mua của ông Nguyễn Công Huy (GCN số: DA376178 cấp ngày 20/01/2021) - mua bằng giấy viết tay	
20	Tam Phước	19	54	CLN	4.397.8	10/6/2017	Trồng tràm	Hợp tác xã An Phát mua của Công ty CP Đầu tư khai thác khoáng sản VLXD - UDICO (hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất) - GCN số V802416 ngày 24/7/2003 cấp cho bà Nguyễn Thị Kim Loan	
	Tam Phước	19	54	CLN	7.524.0	1/6/2018	Trồng tràm	Hợp tác xã An Phát mua của Công ty CP Đầu tư khai thác khoáng sản VLXD - UDICO (hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất) - GCN số V802416 ngày 24/7/2003 cấp cho bà Nguyễn Thị Kim Loan	



STT	Phường	Tờ bản đồ	Số thửa	Loại đất theo BDDC	Diện tích vì phạm (m2)	Thời điểm bắt đầu sử dụng đất	Hiện trạng đất đai trước thời điểm sử dụng (địa hình, địa vật, công trình trên đất)	Tính pháp lý về đất đai	Ghi chú
21	Tam Phước	19	47c	BHK	4.129.7	1/5/2021	Trồng tràm		
22	Tam Phước	28	9	CLN	43.2	1/5/2021	Trồng tràm		
23	Tam Phước	28	12	CLN	1.314.4	1/5/2021	Trồng tràm		
<b>TỔNG</b>					<b>59.519.2</b>				



CHIẾM ĐẤT DO UBND PHƯỜNG TAM PHƯỚC QUẢN LÝ  
(Kèm theo Quyết định số 1727/QĐ-XP/HC ngày 27/5/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai)

STT	Phường	Tờ bản đồ	Số thửa	Loại đất theo BDDC	Diện tích vi phạm (m2)	Thời điểm bắt đầu sử dụng đất	Hiện trạng đất đai trước thời điểm sử dụng (địa hình, địa vật, công trình trên đất)	Chi chú
1	Tam Phước	19		DTL	879.8	25/6/2018	Mương	
2	Tam Phước	19		DGT	5.3	5/1/2019	Đường đất	
3	Tam Phước	19		DGT	540.5	1/5/2020	Đường đất	
4	Tam Phước	19		DGT	791.0	1/5/2020	Đường đất	
5	Tam Phước	19		DGT	996.0	1/6/2020	Đường đất	
6	Tam Phước	19		DGT	243.6	1/6/2020	Đường đất	
TỔNG					3.456.2			